



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

CÔNG TY TNHH VƯƠNG CHÂU YẾN

113 A Phan Đát Đức, Phường Long Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : LX2R2606180709-C3

Mã số mẫu : 743-2026-00156539

Mã số Eol : 005-32410-813670

Tên mẫu / Tên sản phẩm : Tổ yến tinh chế

Mô tả mẫu : Mẫu đựng trong túi zip

Ngày nhận mẫu : 18/06/2026

Thời gian kiểm nghiệm : 19/06/2026 - 26/06/2026

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 26/06/2026

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	GIỚI HẠN TỐI ĐA
1	VD368 VD (a) <i>Salmonella spp.</i>	/25 g	TCVN 10780-1:2017; ISO 6579-1:2017/Amd. 1:2020	Không phát hiện	Không phát hiện
2	VD263 VD (a) Đạm	g/ 100 g	TCVN 10034:2013 (ISO 1871:2009)	60.9	≥ 40
3	VD855 VD (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)	< 1
4	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)	< 2
5	VD856 VD (a) Arsen (As)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)	< 1
6	VD857 VD (a) Thủy ngân (Hg)	mg/ kg	AOAC 2015.01	0.021	< 0.05
7	VD888 VD (a) Antimon (Sb)	mg/ kg	EVN-R-RD-2-TP-5254 (Ref. AOAC 2015.01)	Không phát hiện (LOD=0.02)	< 1
8	VD630 VD Màu sắc		EVN-R-RD-2-TP-3552 (Tham khảo TCVN 12387:2018 (ISO 6658:2017))	Màu trắng ngà đặc trưng của sản phẩm.	-
9	VD630 VD Mùi		EVN-R-RD-2-TP-3552 (Tham khảo TCVN 12387:2018 (ISO 6658:2017))	Mùi đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ.	-
10	VD630 VD Trạng thái		EVN-R-RD-2-TP-3552 (Tham khảo TCVN 12387:2018 (ISO 6658:2017))	(1)	-
11	VD630 VD Vị		EVN-R-RD-2-TP-3552 (Tham khảo TCVN 12387:2018 (ISO 6658:2017))	Vị đặc trưng của sản phẩm.	-
12	VDL34 VD (a) Cystine/Cysteine (Tổng)	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-23361 (Ref. TCVN 8764:2012; ISO 13903:2005; AOAC 994.12)	2.024	-
13	VDL34 VD (a) Methionine (Tổng)	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-23361 (Ref. TCVN 8764:2012; ISO 13903:2005; AOAC 994.12)	0.266	-



AR-26-VD-161302-01 / EUVNHC-00440398 - 01- Trang : 2 / 4

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2026-00156539

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	GIỚI HẠN TỐI ĐA
14	VDAK2 VD (a) 4-hydroxyproline	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-23361 (Ref. TCVN 8764:2012; ISO 13903:2005; AOAC 994.12)	Không phát hiện (LOD=0.02)	-
15	VDAK2 VD (a) Acid aspartic (Tổng)	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-23361 (Ref. TCVN 8764:2012; ISO 13903:2005; AOAC 994.12)	4.577	-
16	VDAK2 VD (a) Acid glutamic (tổng)	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-23361 (Ref. TCVN 8764:2012; ISO 13903:2005; AOAC 994.12)	3.879	-
17	VDAK2 VD (a) Alanin (Tổng)	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-23361 (Ref. TCVN 8764:2012; ISO 13903:2005; AOAC 994.12)	1.490	-
18	VDAK2 VD (a) Amino acid (tổng)	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-23361 (Ref. TCVN 8764:2012; ISO 13903:2005; AOAC 994.12)	49.56	46 - 50
19	VDAK2 VD (a) Arginine (Tổng)	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-23361 (Ref. TCVN 8764:2012; ISO 13903:2005; AOAC 994.12)	3.261	-
20	VDAK2 VD (a) Glycin (Tổng)	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-23361 (Ref. TCVN 8764:2012; ISO 13903:2005; AOAC 994.12)	1.959	-
21	VDAK2 VD (a) Histidin (Tổng)	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-23361 (Ref. TCVN 8764:2012; ISO 13903:2005; AOAC 994.12)	2.102	-
22	VDAK2 VD (a) Isoleucin (Tổng)	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-23361 (Ref. TCVN 8764:2012; ISO 13903:2005; AOAC 994.12)	1.899	-
23	VDAK2 VD (a) Leucin (Tổng)	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-23361 (Ref. TCVN 8764:2012; ISO 13903:2005; AOAC 994.12)	3.567	-
24	VDAK2 VD (a) Lysin (Tổng)	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-23361 (Ref. TCVN 8764:2012; ISO 13903:2005; AOAC 994.12)	1.992	-
25	VDAK2 VD (a) Phenylalanin (Tổng)	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-23361 (Ref. TCVN 8764:2012; ISO 13903:2005; AOAC 994.12)	3.218	-
26	VDAK2 VD (a) Prolin (Tổng)	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-23361 (Ref. TCVN 8764:2012; ISO 13903:2005; AOAC 994.12)	3.935	-
27	VDAK2 VD (a) Serin (Tổng)	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-23361 (Ref. TCVN 8764:2012; ISO 13903:2005; AOAC 994.12)	4.017	-
28	VDAK2 VD (a) Threonin (Tổng)	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-23361 (Ref. TCVN 8764:2012; ISO 13903:2005; AOAC 994.12)	3.518	-



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2026-00156539

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	GIỚI HẠN TỐI ĐA
29	VDK2 VD (a) Tyrosin (Tổng)	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-23361 (Ref. TCVN 8764:2012; ISO 13903:2005; AOAC 994.12)	3.117	-
30	VDK2 VD (a) Valin (Tổng)	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-23361 (Ref. TCVN 8764:2012; ISO 13903:2005; AOAC 994.12)	4.080	-
31	VDWV6 VD (a) Chất tẩy trắng (SO ₂)	mg/ kg	AOAC 990.28	Không phát hiện (LOD=3)	Không có
32	VDAV2 VD Tạp chất trong yến	/Mẫu	EVN-R-RD-3-TP-24250 (Tham khảo Microbiology - 1st Ed. 2016 (OpenStax) - Chapter 2)	Không phát hiện	Không phát hiện
33	VDWS6 VD (a) Sialic acid	%	EVN-R-RD-1-TP-23918 (Tham khảo Biomedical Chromatography, 2010, 24: 1208-1212)	10.8	≥ 5
34	VDWT6 VD (a) Tryptophan	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP23361 (Tham khảo AOAC 988.15)	0.664	-

KẾT LUẬN

Những chỉ tiêu trên bản kết quả thử nghiệm phù hợp với Nghị định 13/2020/NĐ-CP, Phụ lục VII.

(1) Yến sợi ép thành tổ, kích thước tương đối đồng đều, khô, giòn.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

- : Không áp dụng giá trị so sánh đối với chỉ tiêu này.

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 30/06/2026, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 30/06/2026.



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 10 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.





PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

CÔNG TY TNHH VƯƠNG CHÂU YẾN

113 A Phan Đát Đức, Phường Long Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : LX2R2606180709-C3

Mã số mẫu : 743-2026-00156540

Mã số Eol :

005-32410-813671

Tên mẫu / Tên sản phẩm :

Tổ yến tinh chế

Mô tả mẫu :

Mẫu đựng trong túi zip

Ngày nhận mẫu :

18/06/2026

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 13/07/2026

Thời gian kiểm nghiệm :

22/06/2026 - 08/07/2026

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM		ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	GIỚI HẠN TỐI ĐA
1	VD5PV EXT	Hydrogen peroxide (H2O2)	mg/ kg	SOP.01-490:2023 (Ref. USP Monograph)	Không phát hiện (LOD=0.2)	< 1
2	VD5PU EXT	Nitrit	mg/ kg	TCVN 6268-1:2007	6.28	≤ 30
3	VDLI4 EXT	Phát hiện vi rút H5N1		Phương pháp Realtime RT-PCR, theo CD2-QT/TR3-02	Không phát hiện	Không phát hiện

KẾT LUẬN

Những chỉ tiêu trên bản kết quả thử nghiệm phù hợp với Nghị định 13/2020/NĐ-CP, Phụ lục VII.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí MinhLý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 13/07/2026, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 13/07/2026.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 10 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng không chịu trách nhiệm và việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại các phòng thí nghiệm ngoài hệ thống Eurofins.